

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo  
Thương mại điện tử (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế)  
trình độ đại học

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-ĐHTM ngày 16/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023 của Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTM ngày 04/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về xây dựng và tổ chức đào tạo đối với chương trình đào tạo định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1544/QĐ-ĐHTM ngày 27/9/2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 12/12/2024 về việc thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 158/NQ-HĐT ngày 13/12/2024 tại phiên họp thứ 60 của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua các chương trình đào tạo xây dựng mới, đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024 trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Thương mại điện tử (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) trình độ đại học (có bản chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo Thương mại điện tử (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) trình độ đại học.

**Điều 3.** Ông (Bà) Trưởng các phòng: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Pháp chế và Thanh tra, Kế hoạch Tài chính và Trường khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhân:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, HTTKT&TMĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 2458/QĐ-ĐHTM ngày 27/12/2024.....  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Chương trình đào tạo:</b> | Thương mại điện tử<br>(Chương trình định hướng chuyên sâu<br>nghề nghiệp quốc tế)<br>E-Commerce<br>(International Profession Oriented<br>Program) |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>     | Đại học   |
| <b>Ngành đào tạo:</b>        | Thương mại điện tử  |
| <b>Mã ngành:</b>             | 734.01.22   |
| <b>Chuyên ngành đào tạo:</b> | Thương mại điện tử  |
| <b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>     | Tiếng Việt và Tiếng Anh   |

**1. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo (CTĐT) Thương mại điện tử (TMĐT) định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế (International Profession Oriented Program- IPOPOP), là CTĐT định hướng nghề nghiệp, được xây dựng nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực TMĐT chất lượng cao gắn với thực tiễn thực hành nghề TMĐT tại doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức nền tảng, liên ngành về kinh tế - kinh doanh, quản trị; có kiến thức chuyên sâu toàn diện về các hoạt động TMĐT của doanh nghiệp; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp TMĐT một cách thành thạo, nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp theo các yêu cầu công việc thực tế của doanh nghiệp; thành thạo tiếng Anh; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với công việc có cường độ và áp lực cao trong môi trường biến động nhanh của TMĐT; có đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Chương trình đào tạo TMĐT IPOPOP được thiết kế để đào tạo sinh viên ngành TMĐT định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, những cử nhân này có khả năng:

- Trở thành chuyên gia thực chiến tại các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị kinh doanh đã và sắp triển khai hoạt động TMĐT, bắt kịp xu hướng phát triển của TMĐT ở cả trong nước và nước ngoài.
- Chuyên gia tại các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp giải pháp thương mại điện tử theo kịp với sự phát triển của thế giới.
- Trưởng, Phó phòng, chuyên gia Marketing điện tử (E-Marketing) tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh ở cả trong và ngoài nước.
- Chuyên gia hoặc quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Nghiên cứu và giảng dạy thương mại điện tử tại các Viện nghiên cứu, Trường đại học, cao đẳng và các cơ sở đào tạo về TMĐT.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT TMĐT IPOPOP, ngành TMĐT cần đạt chuẩn kiến thức trình độ đại học, bao gồm:

(PLO1): Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

(PLO2): Nắm vững kiến thức nền tảng, liên ngành về kinh tế, kinh doanh, quản trị.

(PLO3): Vận dụng sáng tạo những kiến thức chuyên sâu, cập nhật, toàn diện và tiệm cận quốc tế về thực hiện hiệu quả các hoạt động tác nghiệp TMĐT trong doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước về TMĐT.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4): Vận dụng sáng tạo các kỹ năng quản trị và sử dụng thành thạo các công cụ để tổ chức, thiết kế, triển khai các hệ thống TMĐT theo kịp với sự phát triển của thế giới.

(PLO5): Sử dụng thành thạo các hệ thống TMĐT, các công cụ tối ưu hóa và tăng cường chuyển đổi trên website để thực hiện tốt các hoạt động tác nghiệp TMĐT trong môi trường quốc tế.

(PLO6): Có khả năng khởi nghiệp, sáng tạo và giải quyết các tình huống phát sinh

trong lĩnh vực TMĐT tại môi trường trong nước và nước ngoài.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO7): Có ý thức tổ chức kỉ luật cao, chấp hành tốt pháp luật, nội quy, quy định tại nơi làm việc trong nước và nước ngoài.

(PLO8): Có mong muốn phát triển bản thân, tư duy sáng tạo và nghị lực tốt để đáp ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong môi trường TMĐT toàn cầu.

### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO9): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO10): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

## **3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra của CTĐT TMĐT IPOPOP thuộc ngành TMĐT, có thể làm việc tại các bộ phận quản trị chức năng khác nhau như sau:

- Phòng chức năng về quản trị chiến lược, dự án, lập kế hoạch kinh doanh TMĐT.
- Phòng chức năng xây dựng, phát triển, quản trị hệ thống TMĐT.
- Các phòng quản trị hoạt động tác nghiệp TMĐT (mua hàng, bán hàng, logistics).
- Phòng chức năng xây dựng, phát triển, quản trị hệ thống thanh toán điện tử.
- Phòng marketing điện tử.
- Các phòng, ban quản lý Nhà nước về TMĐT.
- Viện nghiên cứu, Trường và các cơ sở đào tạo thực chiến về TMĐT.

## **4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Với nền tảng các kiến thức liên ngành kinh tế - kinh doanh và kỹ năng chuyên sâu thực tế của ngành TMĐT đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp cử nhân CTĐT TMĐT IPOPOP có thể tự nghiên cứu, học tập bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác. Ngoài ra sinh viên có khả năng tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Thương mại điện tử, Marketing, Quản trị kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng, Logistics cả trong và ngoài nước.

## **5. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo**

### **5.1. Trong nước**

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Các chương trình và chuẩn đầu ra của một số trường đại học ở Việt Nam theo đúng (hoặc gần đúng) ngành, chuyên ngành dự kiến xây dựng đã tham khảo:

| TT | Tên chương trình – Trường  | Địa chỉ website tham chiếu  |
|----|--|---|
| 1  | Cử nhân TMĐT toàn thời gian- Trường Công nghệ và Thiết kế- Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | <a href="https://ctd.ueh.edu.vn/en/chi-tiet-dao-tao/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-thuong-mai-dien-tu-chuong-trinh-chuan/">https://ctd.ueh.edu.vn/en/chi-tiet-dao-tao/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-thuong-mai-dien-tu-chuong-trinh-chuan/</a>     |
| 2  | Ngành TMĐT - Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh                             | <a href="https://www.uef.edu.vn/nganh/nganh-thuong-mai-dien-tu-1494">https://www.uef.edu.vn/nganh/nganh-thuong-mai-dien-tu-1494</a>   |
| 3  | Ngành TMĐT – Đại học Công nghệ thông tin – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh          | <a href="https://daa.uit.edu.vn/content/ky-su-nganh-he-thong-thong-tin-chuyen-nganh-thuong-mai-dien-tu-ap-dung-tu-khoa-12-2017">https://daa.uit.edu.vn/content/ky-su-nganh-he-thong-thong-tin-chuyen-nganh-thuong-mai-dien-tu-ap-dung-tu-khoa-12-2017</a>           |
| 4  | Ngành TMĐT – Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh                         | <a href="https://fe.hcmute.edu.vn/ArticleId/36387b37-eb83-46cf-aec8-1b20f680263c/chuong-trinh-dao-tao-nganh-tmdt-danh-cho-khoa-2017">https://fe.hcmute.edu.vn/ArticleId/36387b37-eb83-46cf-aec8-1b20f680263c/chuong-trinh-dao-tao-nganh-tmdt-danh-cho-khoa-2017</a> |

### 5.2. Ngoài nước

Minh chứng chương trình đào tạo đã được kiểm định của 3-5 trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới theo đúng (hoặc gần đúng) ngành, chuyên ngành dự kiến xây dựng.

| TT | Tên chương trình – Trường  | Địa chỉ website tham chiếu  |
|----|--|---|
| 1  | Cử nhân TMĐT sáng tạo (thực hành) – Đại học Alfred Bobel University, Ukraine   | <a href="https://duan.edu.ua/en/e-commerce-is-an-innovative-bachelors-program/">https://duan.edu.ua/en/e-commerce-is-an-innovative-bachelors-program/</a>         |
| 2  | Cử nhân TMĐT – Trường School of Commerce and Accountancy- Đại học Quản lý và Công nghệ University of Management and Technology, Pakistan | <a href="https://qac.umt.edu.pk/Programs/Undergraduate-Programs/BS-E-Commerce.aspx">https://qac.umt.edu.pk/Programs/Undergraduate-Programs/BS-E-Commerce.aspx</a> |
| 3  | Ngành TMĐT – Học viện Bách Khoa Macao  | <a href="https://www.ipm.edu.mo/teaching_learning/en/progspec_esce_e_commerce.php">https://www.ipm.edu.mo/teaching_learning/en/progspec_esce_e_commerce.php</a>   |

|   |   |   |
|---|---|---|
| 4 | Chương trình liên kết Ngành TMĐT<br>– Đại học Hồng Kông | <a href="http://www.ouhk.edu.hk/wcsprd/Satellite?c=C_ETPU&amp;cid=191153001400&amp;d=Touch&amp;lang=eng&amp;pagename=OUHK%2FtcGenericPage2010&amp;status=1">http://www.ouhk.edu.hk/wcsprd/Satellite?c=C_ETPU&amp;cid=191153001400&amp;d=Touch&amp;lang=eng&amp;pagename=OUHK%2FtcGenericPage2010&amp;status=1</a> |
|---|---|---|



**HIỆU TRƯỞNG**

*[Handwritten signature]*  
PGS, TS Nguyễn Hoàng

**TRƯỞNG KHOA**

*[Handwritten signature]*  
PGS, TS Nguyễn Trần Hưng

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số...../QĐ-ĐHTM ngày ..... tháng ..... năm ...  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại )

|                              |   |
|------------------------------|---|
| <b>Chương trình đào tạo:</b> | <b>Thương mại điện tử</b><br>(Chương trình định hướng chuyên sâu<br>ngành nghiệp quốc tế)<br>E-Commerce<br>(International Profession Oriented<br>Program) |
| <b>Trình độ đào tạo:</b>     | <b>Đại học</b>  |
| <b>Ngành đào tạo:</b>        | <b>Thương mại điện tử</b>   |
| <b>Mã ngành:</b>             | <b>734.01.22</b>  |
| <b>Chuyên ngành đào tạo:</b> | <b>Thương mại điện tử</b>   |
| <b>Ngôn ngữ đào tạo:</b>     | <b>Tiếng Việt và Tiếng Anh</b>  |

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### - Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) Thương mại điện tử (TMĐT) định hướng chuyên sâu ngành nghiệp quốc tế (International Profession Oriented Program - IPOP), là CTĐT định hướng nghề nghiệp, được xây dựng nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực TMĐT chất lượng cao gắn với thực tiễn thực hành nghề TMĐT tại doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức nền tảng liên ngành về kinh tế - kinh doanh, quản trị; có kiến thức chuyên sâu toàn diện về các hoạt động TMĐT của doanh nghiệp; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp TMĐT một cách thành thạo, nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp theo các yêu cầu công việc thực tế của doanh nghiệp; thành thạo tiếng Anh; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với công việc có cường độ và áp lực cao trong môi trường biến động nhanh của TMĐT; có đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

#### - Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo TMĐT IPOP được thiết kế để đào tạo sinh viên ngành TMĐT

định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, những cử nhân này có khả năng:

+ Trở thành chuyên gia thực chiến tại các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị kinh doanh đã và sắp triển khai hoạt động TMĐT, bắt kịp xu hướng phát triển của TMĐT ở cả trong nước và nước ngoài.

+ Chuyên gia tại các doanh nghiệp cung cấp giải pháp thương mại điện tử theo kịp với sự phát triển của thế giới.

+ Trưởng, Phó phòng, chuyên gia Marketing điện tử (E-Marketing) tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh ở cả trong và ngoài nước.

+ Chuyên gia hoặc quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

+ Nghiên cứu và giảng dạy thương mại điện tử tại các Viện nghiên cứu, Trường đại học, cao đẳng và các cơ sở đào tạo về TMĐT.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT TMĐT IPOP, ngành TMĐT cần đạt chuẩn kiến thức trình độ đại học, bao gồm:

(PLO1): Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

(PLO2): Nắm vững kiến thức nền tảng, liên ngành về kinh tế, kinh doanh, quản trị.

(PLO3): Vận dụng sáng tạo những kiến thức chuyên sâu, cập nhật, toàn diện và tiệm cận quốc tế về thực hiện hiệu quả các hoạt động tác nghiệp TMĐT trong doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước về TMĐT.

### **2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO4): Vận dụng sáng tạo các kỹ năng quản trị và sử dụng thành thạo các công cụ để tổ chức, thiết kế, triển khai các hệ thống TMĐT theo kịp với sự phát triển của thế giới.

(PLO5): Sử dụng thành thạo các hệ thống TMĐT, các công cụ tối ưu hóa và tăng cường chuyển đổi trên website để thực hiện tốt các hoạt động tác nghiệp TMĐT trong môi trường quốc tế.

(PLO6): Có khả năng khởi nghiệp, sáng tạo và giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực TMĐT tại môi trường trong nước và nước ngoài.

### **2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

(PLO7): Có ý thức tổ chức kỉ luật cao, chấp hành tốt pháp luật, nội quy, quy định tại nơi làm việc trong nước và nước ngoài.

(PLO8): Có mong muốn phát triển bản thân, tư duy sáng tạo và nghị lực tốt để đáp



ứng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong môi trường TMĐT toàn cầu.

#### **2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học**

(PLO9): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO10): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### **4. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, người học phải đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong trường hợp chưa đạt được trình độ bậc 2 tiếng Anh, người học sẽ phải học chương trình tiếng Anh bổ sung theo quy định của Trường.

#### **5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã học phần | Ngôn ngữ giảng dạy | Số TC | Cấu trúc |
|-----|--------------------------------|-------------|--------------------|-------|----------|
| 1   | KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG   |             |                    | 48    |          |
| 1.1 | Giáo dục đại cương             |             |                    | 37    |          |

|              |  |          |            |           |       |
|--------------|--|----------|------------|-----------|-------|
| <b>1.1.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>   |          |            | <b>34</b> |       |
| 1            | Triết học Mác - Lê Nin<br>Phylosophy of Maxism – Leninism                  | MLNP0221 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 2            | Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin<br>Political economics of Maxism – Leninism | RLCP1211 | Tiếng Việt | 2         | 24,12 |
| 3            | Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>Ho Chi Minh Ideology                               | HCMIO111 | Tiếng Việt | 2         | 24,12 |
| 4            | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br>History of Vietnamese Communist Party    | HCMIO131 | Tiếng Việt | 2         | 21,18 |
| 5            | Chủ nghĩa xã hội khoa học<br>Scientific socialism                          | HCMIO121 | Tiếng Việt | 2         | 24,12 |
| 6            | Pháp luật đại cương<br>Introduction to Laws                                | TLAW0111 | Tiếng việt | 2         | 24,12 |
| 7            | Tiếng Anh tăng cường 1.1<br>Intensive English 1.1                          | ENPR7011 | Tiếng Anh  | 4         | 48,24 |
| 8            | Tiếng Anh tăng cường 1.2<br>Intensive English 1.2                          | ENPR7111 | Tiếng Anh  | 4         | 48,24 |
| 9            | Tiếng Anh nâng cao 1.1<br>Advanced English 1.1                             | ENTI3111 | Tiếng Anh  | 5         | 60,30 |
| 10           | Tiếng Anh nâng cao 1.2<br>Advanced English 1.2                             | ENTI3211 | Tiếng Anh  | 5         | 60,30 |
| 11           | Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản<br>Information Technology Foundation  | INFO3511 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| <b>1.1.2</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>  |          |            | <b>3</b>  |       |
|              | <i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>  |          |            |           |       |
| 1            | Kinh tế lượng<br>Econometrics  | AMAT0411 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 2            | Giao tiếp trong kinh doanh<br>Communication in business                    | EPIN0111 | Tiếng Việt | 3         | 0,90  |
| <b>1.2</b>   | <b>Giáo dục thể chất</b>   |          |            | <b>3</b>  |       |
| <b>1.2.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>   |          |            | <b>1</b>  |       |
|              | Giáo dục thể chất chung<br>Physical Education                              | GDTC1611 | Tiếng Việt | 1         | 12,18 |
| <b>1.2.2</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>  |          |            | <b>2</b>  |       |
|              | <i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>  |          |            |           |       |

|       |  |          |            |    |        |
|-------|--|----------|------------|----|--------|
| 1     | Cầu lông<br>Badminton  | GDTC0521 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 2     | Bóng chuyền<br>Volleyball  | GDTC0621 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 3     | Bóng ném<br>Handball   | GDTC0721 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 4     | Bóng bàn<br>Table tennis   | GDTC1621 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 5     | Cờ vua<br>Chess  | GDTC1721 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 6     | Bóng rổ<br>Basketball  | GDTC0821 | Tiếng Việt | 1  | 12,18  |
| 1.3   | <b>Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b><br><b>Military Education</b>                  |          |            | 8  |        |
| 2     | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>  |          |            | 83 |        |
| 2.1   | <b>Kiến thức liên ngành</b>  |          |            | 43 |        |
| 2.1.1 | <i>Các học phần bắt buộc</i>   |          |            | 28 |        |
| 1     | Kinh tế học<br>Economics   | MIEC1031 | Tiếng Anh  | 3  | 36,18  |
| 2     | Chuyển đổi số trong kinh doanh<br>Digital transformation in business               | PCOM1111 | Tiếng Việt | 2  | 24, 12 |
| 3     | Thực tập nghề nghiệp<br>Internship   | HTTT0261 | Tiếng Việt | 2  | 0,60   |
| 4     | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh<br>Artificial Intelligence for Business | INFO3611 | Tiếng Việt | 3  | 36,18  |
| 5     | Quản trị học<br>Fundamentals of Management   | BMGM0531 | Tiếng Anh  | 3  | 36,18  |
| 6     | Marketing căn bản<br>Principles of Marketing                                       | BMKT3231 | Tiếng Anh  | 3  | 36,18  |
| 7     | Nguyên lý quản trị nhân lực<br>Principles of Human Resource Management             | HRMG2531 | Tiếng Anh  | 3  | 36,18  |
| 8     | Nguyên lý kế toán<br>Principles of Accounting                                      | ACCP0231 | Tiếng Anh  | 3  | 36,18  |

|              |   |          |            |           |       |
|--------------|---|----------|------------|-----------|-------|
| 9            | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính<br>Money, Banking and Financial Market | EFIN2812 | Tiếng Anh  | 3         | 36,18 |
| 10           | Thương mại điện tử căn bản<br>Fundamental of E-Commerce                           | PCOM2631 | Tiếng Anh  | 3         | 36,18 |
| <b>2.1.2</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>   |          |            | <b>15</b> |       |
|              | <i>Chọn 15 TC trong các HP sau:</i>   |          |            |           |       |
| 1            | Phương pháp nghiên cứu khoa học<br>Scientific Research Methodology                | SCRE0211 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 2            | Quản trị dịch vụ<br>Service Management  | TEMG2911 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 3            | Luật kinh tế 1<br>Economic Law 1  | PLAW0321 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 4            | Kinh doanh quốc tế<br>International Business                                      | ITOM1311 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 5            | Lý thuyết kinh tế số<br>Theory of digital economics                               | DECO0111 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 6            | Khởi sự kinh doanh<br>Entrepreneurship  | EPIN0211 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 7            | Phân tích dữ liệu lớn<br>BigData Analytics  | EDAN0611 | Tiếng Việt | 3         | 0,90  |
| 8            | Thương mại di động<br>Mobile Commerce   | PCOM0221 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 9            | Phát triển hệ thống Thương mại điện tử<br>Developing e-Commerce Systems           | ECOM1511 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| 10           | Quản trị dự án Công nghệ thông tin<br>Information Technology Project Management   | ECIT2811 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |
| <b>2.2</b>   | <b>Kiến thức ngành</b>  |          |            | <b>15</b> |       |
| <b>2.2.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>  |          |            | <b>9</b>  |       |
| 1            | Quản trị Thương mại điện tử<br>E-Commerce Management                              | PCOM2431 | Tiếng Anh  | 3         | 36,18 |
| 2            | Marketing Thương mại điện tử<br>E-Commerce Marketing                              | PCOM2531 | Tiếng Anh  | 3         | 36,18 |
| 3            | Thanh toán điện tử  | PCOM0411 | Tiếng Việt | 3         | 36,18 |

|              |   |          |            |            |       |
|--------------|---|----------|------------|------------|-------|
|              | Electronic Payment  |          |            |            |       |
| <b>2.2.2</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>   |          |            |            |       |
|              | <i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>  |          |            | <b>6</b>   |       |
| 1            | Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet<br>Data mining on the Internet                                     | ECOM2111 | Tiếng Việt | 2          | 0,60  |
| 2            | Thực hành quảng cáo điện tử<br>Online Advertising Practices   | ECOM2121 | Tiếng Việt | 2          | 0,60  |
| 3            | Chính phủ điện tử<br>E-Government   | ECOM1311 | Tiếng Việt | 2          | 24,12 |
| 4            | Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong Thương mại điện tử<br>Blockchain technology and Applications in E-Commerce | PCOM0321 | Tiếng Việt | 2          | 24,12 |
| 5            | Tâm lý quản trị kinh doanh<br>Business Administration Psychology  | TMKT0211 | Tiếng Việt | 2          | 24,12 |
| 6            | Văn hóa kinh doanh<br>Business Culture  | BMGM1221 | Tiếng Việt | 2          | 24,12 |
| <b>2.3</b>   | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>   |          |            | <b>15</b>  |       |
| 1            | Thiết kế Landing Page chuyển đổi cao<br>Landing Page Design for High Converting                                   | HTTT0661 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| 2            | Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm<br>Search Engine Optimization   | HTTT0461 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| 3            | Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử<br>Business on E-Commerce Platform   | HTTT0561 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| 4            | Thực hành quản trị hệ thống bán hàng trực tuyến<br>Practice managing online sales systems                         | HTTT0361 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| 5            | Thực hành trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh<br>AI Practices in Business   | HTTT0761 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| <b>2.4</b>   | <b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>  |          |            | <b>10</b>  |       |
| 1            | Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm<br>Intership project report   | REPI2111 | Tiếng Việt | 3          | 0,90  |
| 2            | Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp<br>Graduation Thesis   | LVVI2211 | Tiếng Việt | 7          | 0,210 |
|              | <b>Tổng</b>   |          |            | <b>131</b> |       |

**Ghi chú:**

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự chọn (20%) và 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 tín chỉ có 27 tín chỉ học phần thuộc Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (83 tín chỉ) được giảng dạy bằng tiếng Anh, chiếm tỷ trọng 32,5%.

**7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)****8. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

| TT | KỲ HỌC             | HỌC PHẦN  | SỐ TC      |
|----|--------------------|---|------------|
| 1  | Kỳ 1               | Kiến thức giáo dục đại cương                    | 9          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 3          |
|    |                    | GDTC  | 1          |
| 2  | Kỳ 2               | Kiến thức giáo dục đại cương                    | 9          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 6          |
|    |                    | GDTC  | 1          |
|    | Kỳ hè năm thứ nhất | GDQP-AN   | 8          |
| 3  | Kỳ 3               | Kiến thức giáo dục đại cương                    | 6          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 9          |
|    |                    | GDTC  | 1          |
| 4  | Kỳ 4               | Kiến thức giáo dục đại cương                    | 7          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 11         |
| 5  | Kỳ 5               | Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)          | 3          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 7          |
|    |                    | Kiến thức ngành                                 | 6          |
|    |                    | Kiến thức chuyên ngành                          | 3          |
| 6  | Kỳ 6               | Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)          | 3          |
|    |                    | Kiến thức liên ngành                            | 7          |
|    |                    | Kiến thức ngành                                 | 3          |
|    |                    | Kiến thức chuyên ngành                          | 3          |
| 7  | Kỳ 7               | Kiến thức ngành                                 | 6          |
|    |                    | Kiến thức chuyên ngành                          | 9          |
| 8  | Kỳ 8               | Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học | 10         |
|    | <b>Tổng cộng</b>   |   | <b>131</b> |

**Lưu ý:**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các Học phần thực hành / thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ

2, năm thứ 3;

- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS,TS Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**

**PGS,TS Nguyễn Trần Hưng**



# PHỤ LỤC MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

### 1.1. Các học phần bắt buộc

#### *Triết học Mác - Lê Nin (Philosophy of Maxism – Leninism)*

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

#### *Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism)*

Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

#### *Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)*

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

#### *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)*

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng

#### *Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)*

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

#### *Pháp luật đại cương (Introduction to Laws)*

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

#### *Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1)*

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.1 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

#### *Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2)*

Học phần Tiếng Anh Tăng cường 1.2 sử dụng giáo trình Life (Upper Intermediate) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập

quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

#### *Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1)*

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

#### *Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2)*

Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

#### *Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (Information Technology Foundation)*

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng CNTT trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương Mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về CNTT, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về CNTT trong môi trường số.

### **1.2. Các học phần tự chọn**

#### *Kinh tế lượng (Econometrics)*

Phương pháp ước lượng các mô hình hồi quy hai biến và nhiều biến. Các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (xác định khoảng tin cậy, kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt). Các vấn đề liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

#### *Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business)*

Học phần trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết

trình, kỹ năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

## 2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

### 2.1. Kiến thức liên ngành

#### 2.1.1. Các học phần bắt buộc

##### *Kinh tế học (Economics)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vĩ mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD - AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

##### *Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital Transformation in Business)*

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

##### *Thực tập nghề nghiệp (Intership)*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, quản trị các nguồn lực cơ bản của doanh nghiệp thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, người học được rèn luyện các kỹ năng: làm việc nhóm, phân tích và viết báo cáo, lập kế hoạch.

##### *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business):*

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của CNTT và ứng dụng của nó trong kinh doanh. Cụ thể là: các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

##### *Quản trị học (Fundamentals of Management)*

The course focuses on providing learners with fundamental knowledge of management. It also develops management skills for learners and allows them to form the ability to work independently and in a group.

*Marketing căn bản (Principles of marketing)*

Học phần Marketing căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị kinh doanh và marketing. Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

*Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management)*

This module is one of basis major modules in training program of Human Resource Management Major. It includes some main contents as: concept and role of human resource management; essential contents of human resource management (job analysis, recruitment and selection, training and development employee, performance management, compensation), trends in human resource management

*Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)*

Học phần Nguyên lý kế toán thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán.

*Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market)*

Money, Banking and Financial MarketThe course provides systematically basic knowledge the system of finance and monetary, including domestic operation and global operation of the system. The concepts of money, inflation and financial market are discussed to improve learner's awareness of basically financial issue. Then, monetary policy and its operation in Vietnam are introduced and analyzed. The rest of the course is basic knowledge of banking system.

*Thương mại điện tử căn bản (Fundamental of E-Commerce)*

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong

doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

### **2.1.2. Các học phần tự chọn**

#### *Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)*

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

#### *Quản trị dịch vụ (Service Management)*

Đây là học phần cung cấp kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức bổ trợ của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại và là học phần tự chọn của nhiều chuyên ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

#### *Luật kinh tế 1 (Economic Law)*

Là học phần thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu các quy định pháp luật về loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhà nước; Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về phá sản và luật phá sản; thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần chuyên ngành khác. Học phần này được nghiên cứu sau khi sinh viên đã nắm được kiến thức cơ bản ở các học phần cơ sở ngành.

#### *Kinh doanh quốc tế (International business)*

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi

trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

#### *Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics)*

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về kinh tế số, bao gồm từ việc số hóa nền kinh tế, trình bày các tác động của sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông đến nền kinh tế số, tìm hiểu về hệ sinh thái nền kinh tế số, cung cấp một số nguyên tắc cơ bản của kinh tế số như hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình giá trị, một số vấn đề chiến lược của kinh tế số và các đặc điểm chính của thị trường số và nền kinh tế số nâng cao.

#### *Khởi sự kinh doanh (Entrepreneurship)*

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới. Ngoài ra học phần còn giới thiệu các kiến thức chung về khởi sự kinh doanh sáng tạo và khởi sự kinh doanh xã hội.

#### *Phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics)*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thực hành phân tích và quản lý dữ liệu lớn, bao gồm thực hành các công cụ quản lý dữ liệu lớn, tiền xử lý dữ liệu, một số phương pháp phân tích dữ liệu và trực quan dữ liệu lớn dựa trên các công cụ hiện đại như Python, Tableau/Power BI. Các bài tập thực hành tập trung vào ứng dụng các nền tảng để lưu trữ, phân tích và rút trích thông tin từ các tập dữ liệu lớn trong phân tích tài chính, kinh tế và kinh doanh.

#### *Thương mại di động (Mobile Commerce)*

Học phần Thương mại di động là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho các sinh viên chuyên ngành Quản trị TMĐT về xu hướng phát triển tất yếu của TMĐT trong tương lai gần đó là Thương mại di động. Học phần là sự xuyên suốt các kiến thức từ đơn giản tới phức tạp và có tính hệ thống, như đưa ra Tiếp cận tổng quan bao gồm: các khái niệm, đặc điểm, làm rõ sự khác biệt và chỉ ra sự ưu việt vượt trội của thương mại di động so với TMĐT trong thực thi các hoạt động thương mại, các ứng dụng phổ biến của thương mại di động; Cơ sở hạ tầng của thương mại di động bao gồm từ hạ tầng phần cứng, hạ tầng phần mềm, các chính sách triển khai thương mại di động; Bảo mật và an toàn trong thực thi thương mại di động; Thanh toán trong thương mại di động.

#### *Phát triển hệ thống Thương mại điện tử (Developing e-Commerce Systems)*

Học phần Phát triển hệ thống TMĐT trang bị những kiến thức về mô tả, thiết kế và triển khai các hệ thống quản trị TMĐT trên các góc độ công nghệ (thiết kế định hướng đối tượng, cấu trúc đa liên kết,...) cũng như góc độ quản trị (dự toán đầu tư, mô tả, thiết kế và lập kế hoạch và quản lý) các hệ thống TMĐT. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phát triển hệ thống TMĐT (dự toán đầu tư, mô tả, thiết kế và lập kế hoạch và quản lý); Hiểu rõ các hệ thống TMĐT cơ bản. Góp phần tăng cường các kỹ năng làm việc theo nhóm trong hệ thống TMĐT, sử dụng các website TMĐT B2B và B2C thành thạo.

#### *Quản trị dự án Công nghệ thông tin (Information Technology Project Management)*

Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

## **2.2. Kiến thức ngành**

### **2.2.1. Học phần bắt buộc**

#### *Quản trị Thương mại điện tử (E-Commerce Management)*

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch mặt hàng trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

#### *Marketing Thương mại điện tử (E-Commerce Marketing)*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

#### *Thanh toán điện tử (Electronic Payment)*

Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành TMĐT và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu



cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

### **2.2.2. Học phân tự chọn**

#### *Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (Data mining on the Internet)*

Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

#### *Thực hành quảng cáo điện tử (Online Advertising Practices)*

Học phần Thực hành quảng cáo điện tử cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các công cụ quảng cáo trực tuyến bao gồm: ý tưởng, công cụ, cách tối ưu hóa, thực hiện chiến dịch, thanh toán và phối hợp trong việc tận dụng các cơ hội, hoạch định và triển khai các chương trình quảng cáo trên mạng internet. Các công cụ được cung cấp trong học phần như Quảng cáo hiển thị, Quảng cáo theo ngữ cảnh, Quảng cáo mạng xã hội, Quảng cáo thư điện tử và Quảng cáo Video.

#### *Chính phủ điện tử (E-Government)*

Học phần Chính phủ điện tử cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.

#### *Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong thương mại điện tử (Blockchain technology and Applications in e-commerce)*

Học phần Công nghệ Blockchain và ứng dụng trong TMĐT cung cấp kiến thức cơ bản về công nghệ blockchain và ứng dụng công nghệ blockchain trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và TMĐT, bao gồm: khái niệm blockchain, lịch sử hình thành và phát triển của công nghệ

blockchain, nguyên lý hoạt động của mạng blockchain, hợp đồng thông minh và các ứng dụng phi tập trung, ứng dụng của blockchain, cách thức xây dựng và triển khai dự án blockchain trong kinh doanh và TMĐT.

#### *Tâm lý quản trị kinh doanh (Business Administration Psychology)*

Tổng quan về tâm lý quản trị kinh doanh, vai trò của tâm lý quản trị kinh doanh, một số lý thuyết tâm lý quản trị kinh doanh. Các đặc điểm và các quy luật tâm lý cá nhân. Đặc điểm và các quy luật tâm lý tập thể, mâu thuẫn trong tâm lý tập thể. Tâm lý nhà lãnh đạo và êkíp lãnh đạo, những phẩm chất tâm lý của nhà lãnh đạo. Tâm lý trong hoạt động kinh doanh: đặc điểm hoạt động kinh doanh, tâm lý của người mua, tâm lý của người bán hàng. Giao tiếp trong quản trị kinh doanh: các công cụ giao tiếp, phong cách giao tiếp và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp, các loại hình giao tiếp trong quản trị kinh doanh.

#### *Văn hóa kinh doanh (Business Culture)*

Học phần bao gồm những nội dung: Tổng quan về văn hóa kinh doanh, các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh. Đặc trưng văn hóa kinh doanh Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Vai trò của văn hóa doanh nhân, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nhân như năng lực, tố chất, đạo đức, phong cách doanh nhân. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp. Phát triển văn hóa kinh doanh, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển văn hóa kinh doanh.

### **2.3 Kiến thức chuyên ngành**

#### *Thiết kế Landing Page chuyển đổi cao (Landing Page Design for High Converting)*

Học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo thương mại điện tử, định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần nhằm cung cấp kỹ năng trong thiết kế, xây dựng và triển khai các Landing Page hiệu quả cao, tối ưu hóa tỷ lệ chuyển đổi. Sinh viên sẽ được tìm hiểu và sử dụng Landing Page trong thương mại điện tử, thực hành thiết kế nội dung và giao diện, sử dụng công cụ Landing Page, áp dụng các chiến lược thu hút và chuyển đổi khách hàng, cũng như đo lường và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh trên Landing Page.

#### *Tối ưu hóa website cho công cụ tìm kiếm (Search Engine Optimization for website)*

Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm web (hay SEO web) là một Học phần tối ưu hóa website cho công cụ tìm kiếm là học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của Chương trình đào tạo Thương mại điện tử, định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng chuyên sâu về sử dụng các phương pháp hiệu quả nhằm cải thiện thứ hạng của website trên các trang kết quả của các công cụ tìm kiếm, sử dụng các công cụ hỗ trợ SEO web và quy trình thực hiện, xây dựng một dự án SEO cho website. Đồng thời, học phần hỗ trợ sinh viên thực hành các phương pháp SEO web trên các công cụ tìm kiếm, bao gồm tối ưu hóa bên trong website (thông qua mã nguồn HTML, cấu trúc, layout, nội dung website như văn bản, hình ảnh, video, hay đa phương tiện khác trên website mà người sử dụng có thể theo dõi và

trung tác, và URL) và tối ưu hóa bên ngoài website (thông qua xây dựng liên kết, các kênh mạng xã hội, social media bookmarking v.v.) nhằm nâng cao vị trí của danh sách tìm kiếm theo các từ khóa.

#### *Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử (Business on E-commerce platform)*

Học phần Kinh doanh trên sàn Thương mại điện tử là học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo Thương mại điện tử, định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu về thực hiện hoạt động kinh doanh trên các sàn Thương mại điện tử như: Tiktok Shop, Shopee, Lazada... một cách hiệu quả, bao gồm các kỹ năng lựa chọn sản phẩm, tối ưu hóa gian hàng, tiếp thị hiệu quả, quản lý đơn hàng và cập nhật xu hướng nhằm tiếp cận nhiều khách hàng tiềm năng và tăng doanh thu.

#### *Thực hành quản trị hệ thống bán hàng trực tuyến (Practice managing online sales systems)*

Học phần Thực hành quản trị hệ thống bán hàng trực tuyến là học phần thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành của chương trình đào tạo Thương mại điện tử, định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu về quản trị và thực hiện hoạt động bán lẻ trực tuyến trên các kênh khác nhau của Nhà bán hàng. Học phần cung cấp kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích, thực hành xây dựng website, sử dụng kết hợp các công cụ quản lý các kênh mạng xã hội, sàn giao dịch như Shopee, Lazada,... và tích hợp trong một hệ thống để thực hiện hoạt động bán hàng, xử lý đơn hàng, quản lý tồn kho và kết nối vận chuyển, thanh toán, chăm sóc và hỗ trợ khách hàng...

#### *Thực hành trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (AI Practices in Business)*

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng tổng hợp về sử dụng các công cụ AI khác nhau phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: sử dụng AI để viết content, tập hợp nội dung cho các hoạt động marketing; sử dụng AI để phân tích và tìm kiếm khách hàng; sử dụng AI để phát hiện các xu hướng mới trong kinh doanh; sử dụng AI để hỗ trợ và chăm sóc khách hàng cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh.

### **2.4. Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học**

#### *Báo cáo dự án nhóm (Intership project report)*

Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn hoạt động kinh doanh TMĐT của đơn vị thực tập. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động TMĐT của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Người học thực tập tại doanh nghiệp TMĐT thuộc các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành kinh doanh khác nhau để tìm hiểu thực tiễn hoạt động kinh doanh TMĐT. Người học phát hiện các hạn chế trong hoạt động tác nghiệp và quản trị TMĐT để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp.

#### *Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis)*

Học phần này giúp người học củng cố kiến thức chuyên sâu thông qua vận dụng kiến thức và các kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh doanh TMĐT tại đơn vị thực tập và trình bày báo cáo khóa luận tốt nghiệp dưới dạng công trình nghiên cứu. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, Người học hệ thống hóa có lựa chọn một số cơ sở lý luận đã có để vận dụng giải quyết một vấn đề cụ thể về thực hiện các hoạt động tác nghiệp và quản trị TMĐT tại một doanh nghiệp.